

Số: /KH-BCĐ

Hà Giang, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình
trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2022

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ-KHHGD NĂM 2021

I. KẾT QUẢ

Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD) của tỉnh trong năm đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, sự vào cuộc của các sở, ban, ngành, đoàn thể trong việc tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động về công tác DS-KHHGD và đã đạt được các chỉ tiêu kế hoạch giao trong năm 2021 như: Kết quả thực hiện giảm sinh là 0,56/0,4‰ đạt 140% kế hoạch giao; Tổng số người áp dụng các biện pháp tránh thai năm 2021 là: 39.201/42.450 người đạt 92,3% KH năm, (giảm 3,7% so với tổng các BPTT cùng kỳ năm 2020); Tỷ số giới tính khi sinh giảm 0,5 điểm % so với năm 2020, đạt 100,7% so với Kế hoạch. Tuy nhiên công tác DS-KHHGD vẫn còn những tồn tại, hạn chế đó là: Tỷ suất sinh thô vẫn còn cao 18,14‰, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên cao 14%, tổng tỷ suất sinh còn ở mức 2,47 con/bà mẹ thuộc nhóm các tỉnh có mức sinh cao, tỷ số giới tính khi sinh là 109,2 bé trai/100 bé gái; Hoạt động truyền thông được thực hiện từ tỉnh đến cơ sở bằng nhiều hình thức nhưng chưa đa dạng, phong phú; các mô hình, đề án can thiệp nâng cao chất lượng dân số đã được triển khai thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao do các điều kiện để thực hiện gặp khó khăn; Ngân sách đầu tư hỗ trợ cho công tác DS-KHHGD hạn chế, vì vậy ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các hoạt động.

II. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ THÁCH THỨC

- Mức độ nhận thức, chuyển đổi hành vi của người dân về lĩnh vực DS-KHHGD còn chậm và chưa bền vững; Quy mô gia đình hai con vẫn còn một bộ phận không nhỏ người dân chưa chấp nhận.

- Mức sinh cao, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên có những diễn biến phức tạp; số phụ nữ bước vào độ tuổi sinh đẻ lớn hơn số phụ nữ bước ra; nhu cầu về sử dụng một số PTTT để KHHGD hàng năm của người dân tăng trong khi các PTTT miễn phí từ Trung ương cấp bị cắt giảm mạnh ảnh hưởng đến hoàn thành mục tiêu giảm sinh.

- Mất cân bằng giới tính khi sinh có xu hướng tăng (109,2 trẻ nam/100 trẻ gái); chất lượng dân số còn thấp. Tỷ lệ sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh thấp. Các mô hình can

thiệt nâng cao chất lượng dân số đã được triển khai thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao do các điều kiện để thực hiện gặp khó khăn

- Một số yêu cầu nhiệm vụ mới đã và đang được đặt ra và phải giải quyết đó là: Vấn đề chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên; nâng cao chất lượng dân số.

- Nguồn lực hỗ trợ thực hiện công tác DS-KHHGD từ ngân sách địa phương còn hạn hẹp chưa đảm bảo thực hiện các hoạt động, do vậy ảnh hưởng đến việc triển khai và kết quả các hoạt động.

Phần II

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC DÂN SỐ - KHHGD NĂM 2022

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Chỉ thị số 19-CT/TU, ngày 05/3/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác DS - KHHGD trong tình hình mới”;

Chương trình số 40-CTr/TU, ngày 04-5-2018 Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị Quyết số 21-NQ/TW, ngày 25-10-2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND, ngày 19/7/2019 hỗ trợ kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Kế hoạch số 162/KH-UBND, ngày 22/5/2018 kế hoạch thực hiện trình số 40-CTr/TU, ngày 04-5-2018 Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị Quyết số 21-NQ/TW, ngày 25-10-2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới

Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 13/7/2020 Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Hà Giang.

Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 06/5/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc triển khai thực Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố và phát triển hệ thống tin chuyên ngành dân số giai đoạn đến năm 2030

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Huy động mọi nguồn lực để duy trì đà giảm sinh, giảm sinh con thứ 3, giữ ổn định tỷ số giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giảm 0,4% tỷ suất sinh thô từ 18,14‰ năm 2021 xuống còn 17,74‰ năm 2022.
- Giảm 0,5% tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên.
- Tăng tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại lên 69,3% năm 2022.

- Số ca được sàng lọc trước sinh 5.750 ca.
- Số ca được sàng lọc sơ sinh 4.000 ca.
- Khổng chế tỷ số giới tính khi sinh ở mức 109,5 trẻ trai/100 trẻ gái (tăng 0,3 điểm phần trăm so với cùng kì năm 2021).
- Tăng thêm 8% tỷ lệ người cao tuổi được tư vấn, khám và quản lý sức khỏe.
- Tăng thêm 5% vị thành niên/thành niên (VTN/TN) hiểu biết cơ bản về một số vấn đề về DS-KHHGD, tác hại của tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, tư vấn và kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân; 100% VTN/TN được cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD khi có nhu cầu.

(Chi tiết chỉ tiêu, kế hoạch phụ lục I)

III. NỘI DUNG VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Bố trí, sắp xếp ổn định tổ chức bộ máy cán bộ làm công tác DS-KHHGD các cấp trong tỉnh đảm bảo không có xã trống cán bộ công tác xã hội/DS-KHHGD;
- Tham mưu ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản để tiếp tục thực hiện chính sách DS-KHHGD của Đảng, pháp luật Nhà nước phù hợp với tình hình hiện nay.
- Xây dựng và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm.
- Tăng cường các hoạt động phối kết hợp liên ngành trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện công tác DS-KHHGD; thực hiện tốt các hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá công tác DS-KHHGD theo quy định. Chỉ đạo các thành viên tổ chức truyền thông và kiểm tra, giám sát thực hiện hoạt động DS-KHHGD theo ngành dọc và địa bàn phân công phụ trách.

2. Hoạt động chuyên môn

2.1. Dự án 3. Dân số và Phát triển

2.1.1. Đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ KHHGD

- a) Mục tiêu: Đáp ứng đầy đủ kịp thời, an toàn và thuận tiện các dịch vụ KHHGD có chất lượng cho đúng đối tượng sử dụng nhằm thực hiện các mục tiêu KHHGD và góp phần nâng cao chất lượng dân số.
- b) Các hoạt động
 - Tiếp nhận, bảo quản, vận chuyển các phương tiện tránh thai (PTTT) miễn phí từ Trung ương, cấp phát cho các huyện, thành phố phục vụ nhu cầu sử dụng các biện pháp tránh thai của đối tượng tại cơ sở theo kế hoạch.
 - Tổ chức Hội thảo tham vấn về cơ chế quản lý kinh phí và sử dụng các PTTT, thuộc thiết yếu, vật tư tiêu hao trong thực hiện dịch vụ KHHGD tại tỉnh.
 - Mua và cấp thuốc thiết yếu, vật tư tiêu hao cho các đối tượng thực hiện KHHGD; mua các PTTT cung cấp cho các đối tượng không được miễn phí.
 - Mua bổ sung trang thiết bị thực hiện dịch vụ KHHGD (Bộ đặt vòng tránh thai) cho cơ sở.
 - In ấn 6.000 biểu mẫu báo cáo PTTT M1 cho Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố.

- Chi trả chính sách cho người thực hiện triệt sản; thù lao cộng tác viên dân số.
- Hỗ trợ Ban DS-KHHGD cấp xã tổ chức họp, giao ban công tác DS-KHHGD hàng tháng;
- Hỗ trợ thực hiện công tác chuyên môn tại các huyện, thành phố 11 cuộc/4 người/3 ngày.

2.1.2. Chiến dịch Tăng cường truyền thông, vận động lồng ghép đưa dịch vụ CSSKSS/KHHGD đến vùng có mức sinh cao, vùng khó khăn

a) Mục tiêu: 100% người dân ở vùng có mức sinh cao, vùng khó khăn được tiếp nhận thông tin và cung cấp các gói dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD góp phần thúc đẩy hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm.

b) Các hoạt động

- Tổ chức Lễ phát động Chiến dịch tại 10 huyện.
- Tổ chức các hoạt động truyền thông trước, trong Chiến dịch trên các phương tiện thông tin đại chúng và trực tiếp tại cộng đồng; cấp phát các tài liệu truyền thông.
- Cung cấp đầy đủ PTTT, thuốc thiết yếu, vật tư tiêu hao thực hiện gói dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.
- Hỗ trợ kinh phí tổ chức triển khai thực hiện Chiến dịch tại 134 xã.
- Thực hiện cung cấp 3 gói dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD tại địa bàn Chiến dịch.
- Hỗ trợ chuyên môn trong Chiến dịch: Tuyển tỉnh 30 cuộc (2 người/cuộc/3 ngày); tuyển huyện giám sát 67 cuộc (02 xã/cuộc).
- Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động Chiến dịch.

2.1.3. Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên/thanh niên

- Duy trì sinh hoạt của các Câu lạc bộ Tư vấn và kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân tại 23 xã địa bàn thực hiện mô hình (56 câu lạc bộ).
- Tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa tại hệ thống các Trường THCS, THPT, trường Dân tộc Nội trú, trường giáo dục thường xuyên (32 cuộc x 32 trường).
- Tổ chức Hội thi tìm hiểu kiến thức về SKSS VTN/TN tại các trường THPT các huyện, thành phố (11 hội thi x 11 trường x 02 ngày).

2.1.4. Chương trình Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

a) Mục tiêu: Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp và mỗi người dân trong tỉnh về những hệ lụy trước mắt và lâu dài của tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, không chế có hiệu quả tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh trên địa bàn tỉnh.

b) Các hoạt động:

- Tổ chức 11 hội thảo chuyên đề triển khai đề án Kiểm soát MCBGTKS cho cán bộ quản lý, tổ chức thực hiện kế hoạch ở các cấp trong tỉnh; các đơn vị phối hợp.
- Mở 11 lớp tập bồi dưỡng huấn kiến thức, kỹ năng tư vấn, truyền thông về kiểm soát MCBGTKS; các quy định pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi; quy trình, quy phạm chuyên môn kỹ thuật liên quan đến khả năng thực hiện chẩn đoán, lựa chọn giới tính thai nhi.

- Tổ chức 30 hội nghị truyền thông chuyên đề tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực DS/KHHGD có đề cập đến vấn đề MCBGTKS.

- Truyền thông trực tiếp tại cộng đồng: nói chuyện chuyên đề 40 cuộc; mỗi cuộc 100 người cho các đối tượng là cấp ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể của tuyến xã, thôn; cán bộ, đảng viên, người có uy tín trong cộng đồng; những người có liên quan đến cung cấp dịch vụ y tế và các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, vị thành niên, thanh niên với các nội dung về MCBGTKS.

- Phối hợp với Báo Hà Giang; Đài Phát thanh, Truyền hình trong tỉnh; trang thông tin điện tử của ngành y tế; các mạng xã hội; hệ thống loa phát thanh của các phường, tổ dân cư tuyên truyền về hậu quả, hệ lụy trước mắt và lâu dài của MCBGTKS; gương người tốt, việc tốt; những hành vi vi phạm quy định pháp luật về lựa chọn giới tính khi sinh dưới mọi hình thức (01 phóng sự; 02 chuyên mục; 20 tin, bài, ảnh)

- Tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hóa: Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch viết kịch bản, dàn dựng 01 tác phẩm với thể loại kịch nói mang tính giải trí, tuyên truyền; tổ chức công diễn 06 buổi tại các khu vực đông dân cư, hội nghị, hội thảo cấp tỉnh, huyện, xã; ghi hình, in sao ra các đĩa DVD phục vụ công tác tuyên truyền.

- Tổ chức 04 cuộc kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện các nội dung hoạt động của kế hoạch và việc thực thi các quy định của pháp luật về nghiêm cấm tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, tư vấn phương pháp để có được giới tính thai nhi theo ý muốn; chẩn đoán, tiết lộ và lựa chọn giới tính thai nhi... theo Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế.

2.1.5. Chương trình sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh

a) Mục tiêu

Không ngừng củng cố mạng lưới sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh để phát hiện, can thiệp sớm tật, bệnh ở thai nhi và sơ sinh nhằm góp phần nâng cao chất lượng dân số.

b) Các hoạt động:

- Khám, siêu âm sàng lọc dị dạng, dị tật thai nhi cho bà mẹ mang thai tại huyện thành phố trong tỉnh.

- Mua giấy thấm, vật tư cho thực hiện sàng lọc sơ sinh cho đối tượng không được miễn phí. Cung cấp cho các huyện thực hiện.

- Lấy máu gót chân cho trẻ sơ sinh để phát hiện sớm các tật, bệnh ở trẻ sơ sinh tại huyện Vị Xuyên, Bắc Quang và thành phố Hà Giang.

- Chi trả tiền dịch vụ kỹ thuật lấy máu gót chân cho cán bộ thực hiện kỹ thuật, tiền tư vấn, vận động trước và sau khám sàng lọc sơ sinh, tiền tem thư, phong bì...

- Tập huấn kỹ thuật lấy máu gót chân trẻ sơ sinh cho 50 cán bộ nữ hộ sinh Trung tâm y tế các huyện, thành phố và Bệnh viện đa khoa tỉnh (Để triển khai trên diện rộng toàn tỉnh).

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn, gặp mặt lãnh đạo bàn luận về Chương trình tầm soát trước sinh và sơ sinh.

- Giám sát, hỗ trợ công tác chuyên môn thực hiện các hoạt động của chương trình sàng lọc trước sinh, sơ sinh.

2.1.6. Tư vấn và kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân

a) Mục tiêu: Tổ chức các hình thức can thiệp từ mô hình nhằm từng bước nâng cao chất lượng dân số cho các cặp chuẩn bị kết hôn.

b) Các hoạt động:

- Duy trì các hoạt động của Mô hình Tư vấn kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân tại huyện Bắc Quang, Vị Xuyên.

- Tổ chức hội thi tìm hiểu kiến thức về SKSS cho thanh niên tại 02 huyện thực hiện mô hình.

- Tổ chức hội nghị truyền thông nói chuyện chuyên đề tại các xã thực hiện mô hình.

- Truyền truyền trên các kênh thông tin đại chúng.

- Trang bị văn phòng phẩm cho Ban Chủ nhiệm câu lạc bộ.

- Kiểm tra, giám sát hỗ trợ thực hiện mô hình.

2.1.7. Nâng cao chất lượng dân số dân tộc ít người

a) Mục tiêu: Nâng cao nhận thức về thực hiện các chính dân số cho những người có uy tín trong cộng đồng

b) Các hoạt động:

- Tư vấn tại cộng đồng về chăm sóc SKSS/KHHGD tại vùng đồng bào dân tộc ít người trong tỉnh.

- Tổ chức hội nghị truyền thông tư vấn các nội dung về DS-KHHGD cho đồng bào dân tộc ít người tại các xã khó khăn trong tỉnh.

2.1.8. Mô hình chính sách kiểm soát dân số khu vực biên giới

a) Mục tiêu: 100% cư dân vùng biên giới được quản lý hộ tịch, hộ khẩu đầy đủ.

b) Các hoạt động:

- Tập huấn nghiệp vụ công tác dân số về kiểm soát cư dân biên giới tại 16 xã mô hình.

- Tổ chức truyền thông nói chuyện chuyên đề tại các xã mô hình.

- Truyền thông bằng hình thức sân khấu hóa với các nội dung về kiểm soát dân cư vùng biên tại các xã.

- Nâng cấp, sửa chữa máy tính, thiết bị văn phòng của kho dữ liệu dân cư tại 16 xã mô hình.

- Giám sát, hỗ trợ kỹ thuật kho dữ liệu tại các xã.

2.1.9. Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

a) Mục tiêu

Đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi (NCT) trong tình thích ứng với giai đoạn biến đổi cơ cấu dân số về tuổi và xu thế hạt nhân hóa gia đình góp phần thực hiện

Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi, chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản, chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

b) Các hoạt động:

- Tổ chức hội thảo triển khai thực hiện đề án giai đoạn 2021 - 2025 tại 11 huyện, thành phố.
- Phối hợp với Báo Hà Giang; Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh; Trang thông tin điện tử của ngành y tế; mạng xã hội; hệ thống loa phát thanh của các phường, tổ dân cư tuyên truyền về CSSKNCT trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Truyền thông nói chuyện chuyên đề về chăm sóc sức khỏe NCT tại 25 xã, phường, thị trấn; Truyền thông lồng ghép trong các hội nghị, hội thảo của huyện hoặc xã: 195 cuộc.
- Tổ chức mít tinh tọa đàm, treo băng rôn tuyên truyền, kỷ niệm Ngày NCT Việt Nam 06/6; Ngày quốc tế NCT 01/10 và Tháng hành động vì NCT Việt Nam tại tỉnh, huyện (50 chiếc băng rôn).
- Tập huấn kiến thức, kỹ năng truyền thông trực tiếp về chăm sóc sức khỏe NCT cho cán bộ DS-KHHGD các tuyến: Huyện, xã, thôn (5 lớp/40 người/lớp).
- Bổ sung trang thiết bị thiết yếu cho các đơn vị y tế cơ sở (Trạm y tế, Trung tâm y tế, bệnh viện/phòng khám đa khoa khu vực) để thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho NCT tại cộng đồng.
- Tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất về tiến độ, kết quả thực hiện các nội dung hoạt động của kế hoạch: Tuyến tỉnh: 04 cuộc/năm; Tuyến huyện: 100% số xã/năm.

2.1.10. Đề án Xã hội hóa cung cấp PTTT và dịch vụ KHHGD/SKSS tại khu vực thành thị và nông thôn phát triển

a) Mục tiêu: Huy động được sự tham gia kinh doanh, phân phối PTTT, hàng hóa SKSS của các đơn vị dịch vụ công, công ty tư nhân, người bán lẻ theo phân khúc thị trường nhằm bảo đảm đủ số lượng PTTT để duy trì đà giảm sinh, đáp ứng nhu cầu đa dạng về chủng loại, hình thức và chất lượng ngày càng cao của PTTT, hàng hóa SKSS phù hợp với điều kiện, khả năng của các nhóm khách hàng, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững của chương trình DS/KHHGD của tỉnh.

b) Các hoạt động

- Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng: Đài Phát thanh, Truyền hình trong tỉnh; Báo Hà Giang; trang web của Ngành Y tế,....
- Tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát hỗ trợ kỹ thuật định kỳ mỗi năm 04 cuộc đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa cung cấp PTTT và dịch vụ KHHGD/SKSS tại các huyện.

2.1.11. Chương trình Tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai

a) Mục tiêu: Tổ chức phân phối các PTTT đã được trợ giá một phần đến người có nhu cầu sử dụng, góp phần từng bước thay đổi thói quen sử dụng miễn phí các PTTT trong cộng đồng dân cư, qua đó làm tăng tính bền vững của chương trình công tác DS-KHHGD đồng thời

giúp đảm bảo đủ số lượng PTTT có chất lượng để thực hiện mục tiêu giảm sinh, nâng cao chất lượng dân số.

b) Các hoạt động

- Tập huấn kỹ năng truyền thông, phân phối sản phẩm và truyền thông, quảng bá và xúc tiến sản phẩm tiếp thị xã hội thực hiện lồng ghép vào trong các hoạt động tập huấn chuyên môn khác.

- Cung cấp thuốc uống tránh thai, bao cao su cho các huyện, thành phố bán cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng.

2.1.12. Nâng cao năng lực, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác dân số các cấp

a) Mục tiêu: Trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về DS-KHHGD cho 195 cán bộ làm công tác DS-KHHGD tuyến xã và 50% cộng tác viên tuyến thôn, bản nhằm nâng cao năng lực công tác tuyến cơ sở.

b) Các hoạt động:

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ công tác DS-KHHGD cho cán bộ làm công tác dân số xã, cộng tác viên thôn, bản, tổ dân phố (08 lớp x 45 người x 3 ngày).

- Tập huấn Bảng kiểm viên uống tránh thai cho cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố (05 lớp x 45 người x 2 ngày).

- Tập huấn kỹ năng truyền thông cho cán bộ dân số cấp xã, cộng tác viên thôn, bản và tuyên truyền viên cơ sở (05 lớp x 45 người x 3 ngày).

2.1.13. Thông tin, dữ liệu chuyên ngành DS-KHHGD

a) Mục tiêu: Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu về dân số đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành chương trình và hoạch định chính sách để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Các hoạt động

- In biểu mẫu phiếu thu tin, mẫu báo cáo thống kê chuyên ngành, sổ A0 cho các xã, thôn, bản, tổ dân phố và xã, phường, thị trấn.

- Quản lý, cập nhật các thông tin biến động dân cư vào hệ thống Sổ Hộ gia đình, phiếu thu tin, kho dữ liệu dân cư.

- Hướng dẫn ghi chép đôi sổ hộ gia đình cho cán bộ dân số, cộng tác viên dân số (Tuyển huyện thực hiện).

- Chi trả kinh phí cập nhật các thông tin biến động dân cư vào hệ thống Sổ Hộ gia đình, phiếu thu tin cho cộng tác viên dân số (40.000 phiếu)

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm bằng hình thức truyền dữ liệu trên mạng Internet; Bổ sung, sửa chữa các trang thiết bị máy chủ, máy trạm.

- Kiểm tra, giám sát hỗ trợ kỹ thuật: 05 cuộc/1 người/3 ngày.

2.2. Dự án 8. Theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình và truyền thông DS-KHHGD

a) Mục tiêu: 90% người dân được tiếp cận và hiểu biết các thông tin về DS-KHHGD nhằm nâng cao nhận thức chuyển đổi hành vi cho mọi tầng lớp nhân dân.

b) Các hoạt động

- Xây dựng chuyên mục Dân số và phát triển trên Báo Hà Giang và Đài truyền hình tỉnh. Tổ chức tuyên truyền công tác DS-KHHGD trên hệ thống các kênh thông tin đại chúng (24 chuyên mục, 02 phóng sự/chuyên đề). Tuyên truyền trên Đài Phát thanh, truyền hình các huyện, hệ thống loa phát thanh xã.

- Hội thảo chuyên đề Chương trình truyền thông chuyển đổi hành vi về Dân số và Phát triển tổng số 11 cuộc/11 huyện, TP).

- Tổ chức hội nghị nói chuyện chuyên đề tại xã có mức sinh cao, xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số, xã khó khăn (70 cuộc).

- Truyền thông, tư vấn trực tiếp tại cộng đồng dân cư và hộ gia đình thông qua đội ngũ cộng tác viên thôn, bản.

- Tổ chức tọa đàm, treo 30 băng rôn tuyên truyền, kỷ niệm Ngày Dân số thế giới, Tháng hành động Quốc gia về Dân số và Ngày Dân số Việt Nam 26/12 tại tỉnh, huyện (12 buổi).

- In 40.000 tờ rơi tuyên truyền về SSKSS VNT/TN; KHHGD; các bệnh lây nhiễm qua đường sinh dục; làm mẹ an toàn; lợi ích thực hiện KHGGĐ.

- In 2.000 quyển sách mỏng hỏi đáp về dân số.

- In 870 cái áp phích tuyên truyền về KHHGD; các BPTT; các bệnh lây truyền qua đường sinh dục; SKSS VTN/TN.

- Sửa chữa, làm mới 05 cụm pa nô tuyên truyền về dân số và phát triển.

- Tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng truyền thông, vận động cho cán bộ truyền thông cấp cơ sở.

3. Thực hiện chính sách theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ (Hỗ trợ phụ nữ người dân tộc thiểu số thuộc vùng khó khăn sinh con đúng chính sách)

- Tổ chức rà soát, lập danh sách, thẩm định các đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách theo Nghị định năm 2021.

- Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ chính sách cho các đối tượng.

- Chi trả hỗ trợ cho các đối tượng theo danh sách đã thẩm định.

4. Các hoạt động khác

- Xây dựng chính sách thực hiện công tác DS-KHHGD.

- Tham dự hội nghị, hội thảo, tập huấn do Trung ương tổ chức.

- Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết công tác DS-KHHGD 6 tháng, 1 năm và công tác thi đua khen thưởng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Trên cơ sở các nội dung hoạt động của kế hoạch. Ban Chỉ đạo công tác Chăm sóc Sức khỏe nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết và dự toán ngân sách trình UBND huyện, thành phố cấp kinh phí để triển khai thực hiện các hoạt động công tác Dân số - KHHGD năm 2022 đạt hiệu quả.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo công tác Dân số - KHHGD tỉnh chỉ đạo đơn vị chuyên môn xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch công tác Dân số - KHHGD năm 2022 trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Ban Chỉ đạo công tác Chăm sóc sức khỏe nhân dân huyện, thành phố chỉ đạo đơn vị chuyên môn và các thành viên căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động đảm bảo hiệu quả.

3. Các ngành, thành viên của Ban Chỉ đạo tỉnh, huyện là đơn vị phối hợp với cơ quan chuyên môn, xây dựng kế hoạch để thực hiện các hoạt động năm 2022 theo hệ thống ngành dọc đạt hiệu quả.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các ngành thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và Ban Chỉ đạo công tác Chăm sóc sức khỏe nhân dân các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động về công tác DS-KHHGD định kỳ 6 tháng, 1 năm về Sở Y tế (qua Chi cục DS- KHHGD) để tổng hợp.

2. Các ngành thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, huyện, thành phố triển khai các nội dung hoạt động của kế hoạch và báo cáo kết quả về Ban Chỉ đạo công tác DS-KHHGD tỉnh theo quy định.

3. Giao cho Sở Y tế (cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh) tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện hoạt động công tác DS-KHHGD về Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ 6 tháng, 1 năm.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình năm 2022 của Ban Chỉ đạo công tác DS-KHHGD tỉnh Hà Giang. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo công tác DS-KHHGD tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- TTr Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh (để báo cáo);
- Tổng cục DS-KHHGD-Bộ Y tế (để báo cáo);
- BCĐ công tác CSSKND huyện/TP;
- Thành viên BCĐ công tác DS-KHHGD tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, VHXH

TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Trần Đức Quý

